



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm và cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-255-HN/01



Hà Văn Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		514.433.312.045	715.984.468.655
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	78.710.172.666	157.626.036.758
Tiền	111		4.448.399.455	21.381.341.984
Các khoản tương đương tiền	112		74.261.773.211	136.244.694.774
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		262.277.212.219	441.352.656.116
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	262.277.212.219	441.352.656.116
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.762.700.702	104.532.810.450
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	125.268.225.410	63.902.619.680
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.487.830.909	2.859.566.687
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		203.000.000	203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	43.130.539.119	45.894.518.819
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.326.894.736)	(8.326.894.736)
Hàng tồn kho	140	9	10.224.846.021	9.706.119.232
Hàng tồn kho	141		10.224.846.021	9.706.119.232
Tài sản ngắn hạn khác	150		458.380.437	2.766.846.099
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.196.000	75.465.262
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		439.184.437	2.691.380.837

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		784.094.898.487	929.605.024.845
Các khoản phải thu dài hạn	210		812.000.000	1.015.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		812.000.000	1.015.000.000
Tài sản cố định	220		636.498.421.354	760.991.752.807
Tài sản cố định hữu hình	221	10	618.677.451.538	742.637.939.266
Nguyên giá	222		2.504.732.836.775	2.492.515.988.728
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.886.055.385.237)	(1.749.878.049.462)
Tài sản cố định vô hình	227	11	17.820.969.816	18.353.813.541
Nguyên giá	228		22.661.171.225	22.600.843.910
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.840.201.409)	(4.247.030.369)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.297.148.276	1.128.628.795
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.297.148.276	1.128.628.795
Đầu tư tài chính dài hạn	250		139.428.430.932	162.536.501.290
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	44.318.318.885	18.300.846.972
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	150.860.000.000	150.860.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(55.749.887.953)	(17.308.595.704)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	-	10.684.250.022
Tài sản dài hạn khác	260		6.058.897.925	3.933.141.953
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.951.878.124	124.541.893
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.388.126.248	1.076.126.248
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.718.893.553	2.732.473.812
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.298.528.210.532	1.645.589.493.500

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

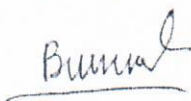
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		321.492.073.886	551.135.715.761
Nợ ngắn hạn	310		133.326.072.425	174.365.946.792
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	17.201.675.966	24.252.397.446
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		216.085.500	18.438.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	13.001.178.511	15.367.543.632
Phải trả người lao động	314		21.784.151.164	19.949.207.506
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	268.172.540	7.887.057.647
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	57.527.227.340	20.469.731.231
Vay ngắn hạn	320	17(a)	14.014.668.976	74.278.140.072
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	9.312.912.428	12.143.431.258
Nợ dài hạn	330		188.166.001.461	376.769.768.969
Vay dài hạn	338	17(b)	184.709.987.800	373.050.092.551
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		72.139.200	59.483.200
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.895.461.625	1.917.041.375
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.488.412.836	1.743.151.843
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		977.036.136.646	1.094.453.777.739
Vốn chủ sở hữu	410	19	977.036.136.646	1.094.453.777.739
Vốn cổ phần	411	20	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418		92.005.418.983	71.796.710.583
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.196.917.402	227.640.629.136
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.560.303.815	18.661.272.693
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		61.636.613.587	208.979.356.443
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		42.379.432.170	38.562.069.929
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.298.528.210.532	1.645.589.493.500

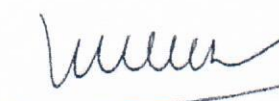
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Huỳnh Văn Khánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	448.618.355.892	564.978.298.513
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	256.318.688.349	269.893.489.548
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		192.299.667.543	295.084.808.965
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	33.747.875.348	27.104.489.054
Chi phí tài chính	22	26	76.879.031.023	33.123.669.678
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.437.738.774	29.612.956.707
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		9.712.394.002	(371.008.313)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	31.237.853.380	21.746.694.573
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		127.643.052.490	266.947.925.455
Thu nhập khác	31		879.018.183	515.485.579
Chi phí khác	32		22.126.000	451.406.441
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		856.892.183	64.079.138
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		128.499.944.673	267.012.004.593
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	19.104.308.477	54.740.863.542
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(299.344.000)	13.921.600
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		109.694.980.196	212.257.219.451
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		103.636.613.587	208.979.356.443
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.058.366.609	3.277.863.008
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.481	2.871

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Bui Thị Kim Na

Bùi Thị Kim Na
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Huỳnh Văn Khánh

Huỳnh Văn Khánh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Phú
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		128.499.944.673	267.012.004.593
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		142.957.152.794	137.516.934.940
Các khoản dự phòng	03		38.441.292.249	(4.508.082.952)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(30.408.171.857)	(27.107.903.975)
(Lãi)/lỗ trong công ty liên kết	05		(9.712.394.002)	371.008.313
Chi phí lãi vay	06		38.437.738.774	29.612.956.707
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		308.215.562.631	402.896.917.626
Biến động các khoản phải thu	09		(57.890.625.534)	93.446.893.320
Biến động hàng tồn kho	10		(505.146.530)	40.185.178.485
Biến động các khoản phải trả và nợ				
phải trả khác	11		(386.643.071)	(8.706.595.394)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.771.066.969)	(1.925.054.744)
			247.662.080.527	525.897.339.293
Tiền lãi vay đã trả	14		(46.056.623.881)	(41.857.339.695)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23.867.228.891)	(76.672.604.427)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.182.168.587)	(5.704.583.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		166.556.059.168	401.662.811.580

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này